

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 62/2017/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 08 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư vào Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Công nghệ cao ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước trong khu kinh tế, khu công nghệ cao;

Căn cứ Nghị định số 65/2017/NĐ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chính sách đặc thù về giống, vốn và công nghệ trong phát triển nuôi trồng, khai thác dược liệu;

Căn cứ Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014; Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2014; Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2014;

Căn cứ Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên (tại Báo cáo số 119/BC-BQLKNN ngày 20/11/2017 và Tờ trình số 78/TTr-BQLKNN ngày 23/10/2017) và kết quả thẩm định của Sở Tư pháp (tại Báo cáo số 215/BC-STP-XD ngày 13/10/2017),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư vào Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 12 năm 2017.

Điều 3. Quyết định này thay thế Quyết định số 17/2015/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2015 của UBND tỉnh Phú Yên ban hành Quy định chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư vào Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên; Quyết định số 36/2016/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2016 của UBND tỉnh Phú Yên sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 17/2015/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2015 của UBND tỉnh Phú Yên.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Xây dựng, Tư pháp; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Tỉnh; Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh Phú Yên; Trưởng Ban Quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên; các Nhà đầu tư và Thủ trưởng các cơ quan đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Hữu Thế

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Về chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư vào
Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên.**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 62/2017/QĐ-UBND
ngày 08 tháng 12 năm 2017 của UBND tỉnh Phú Yên)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định các chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư đối với các dự án đầu tư vào Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên (sau đây viết tắt là Khu NNƯDCNC Phú Yên).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các Nhà đầu tư có đủ điều kiện đầu tư vào Khu NNƯDCNC Phú Yên.

Các cơ quan, đơn vị của tỉnh liên quan đến thực hiện chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư.

Chương II

CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ VÀ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ

Điều 3. Tiêu chuẩn nhà đầu tư trong Khu NNƯDCNC Phú Yên

Nhà đầu tư thực hiện đầu tư vào Khu NNƯDCNC Phú Yên (gọi tắt là Nhà đầu tư) phải có dự án đáp ứng các yêu cầu sau:

1. Dự án đầu tư và phát triển vào lĩnh vực nghiên cứu, thử nghiệm, trình diễn mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; sản xuất sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Danh mục công nghệ cao ứng dụng trong nông nghiệp (Phụ lục I) hoặc Danh mục đối tượng thực nghiệm, trình diễn, chuyên gia và sản xuất sản phẩm công nghệ cao (Phụ lục II).

2. Dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển.

3. Tổng chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển được thực hiện tại Việt Nam trên tổng doanh thu thuần hàng năm đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ phải đạt ít nhất 1%. Đối với các doanh nghiệp có tổng nguồn vốn trên 100 tỷ đồng và tổng số lao động trên 300 người tỷ lệ này phải đạt ít nhất 0,5% theo khoản 2, Điều 1 Quyết định số 19/2015/QĐ-TTg ngày 15/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí xác định doanh nghiệp công nghệ cao.

4. Số lượng lao động có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên trực tiếp thực hiện nghiên cứu và phát triển trên tổng số lao động của doanh nghiệp đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ phải đạt ít nhất 5%. Đối với các doanh nghiệp có tổng nguồn vốn trên 100 tỷ đồng và tổng số lao động trên 300 người tỷ lệ này phải đạt ít nhất 2,5% nhưng không thấp hơn 15 người theo Khoản 3 Điều 1 Quyết định số

19/2015/QĐ-TTg ngày 15/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí xác định doanh nghiệp công nghệ cao cho phù hợp.

5. Hệ thống quản lý chất lượng của dự án phải đạt một trong các tiêu chuẩn sau: Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 9001:2008, Viet GAP, Global GAP, CMM hoặc GMP (tùy theo đặc thù dự án ứng dụng công nghệ cao áp dụng tiêu chuẩn Quốc gia hay Quốc tế).

6. Dự án áp dụng các biện pháp thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng trong sản xuất và quản lý chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam; trường hợp chưa có tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam thì áp dụng tiêu chuẩn của tổ chức quốc tế chuyên ngành.

Điều 4. Cơ sở hạ tầng dùng chung của Khu NNƯDCNC Phú Yên

Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên nằm trên địa bàn xã Hòa Quang Bắc, huyện Phú Hòa là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được hưởng đầy đủ các chính sách ưu đãi, hỗ trợ cao nhất của Nhà nước theo Phụ lục II Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ.

UBND tỉnh đầu tư cơ sở hạ tầng dùng chung của Khu NNƯDCNC Phú Yên, gồm: Hệ thống giao thông, điện, nước, hạ tầng thông tin, viễn thông, xây dựng hệ thống xử lý chất thải,...tạo thuận lợi cho Nhà đầu tư triển khai dự án đầu tư vào Khu NNƯDCNC Phú Yên.

Điều 5. Ưu đãi về đất đai

1. Miễn toàn bộ tiền thuê đất cho cả thời hạn thuê áp dụng theo khoản 2, Điều 14, Nghị định 35/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ.

2. Mức ưu đãi miễn, giảm tiền thuê đất đối với trường hợp không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này áp dụng theo khoản 3, Điều 14, Nghị định 35/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ.

3. Khi hết thời gian ưu đãi về đất đai, Nhà đầu tư sẽ được xác định, nộp tiền thuê đất theo quy định hiện hành.

4. Đơn giá thuê đất: Thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 6. Ưu đãi về thuế

1. Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp:

a) Thu nhập được miễn thuế áp dụng theo khoản 1 và khoản 2 Điều 8 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và theo Điều 3 Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01/10/2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế.

b) Thu nhập được ưu đãi về thuế:

- Thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động áp dụng khoản 4, Điều 11 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính áp dụng đối với: Thu nhập của doanh nghiệp từ: Sản xuất, nhân và lai tạo giống cây trồng, vật

nuôi; đầu tư bảo quản nông sản sau thu hoạch, bảo quản nông sản, thủy sản và thực phẩm.

- Thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 15 (mười lăm) năm áp dụng theo các điểm: a, b, c, d, khoản 1, Điều 11 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính; miễn thuế 04 (bốn) năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 (chín) năm tiếp theo áp dụng theo điểm 1, khoản 1 và khoản 2 Điều 12 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính, cho các trường hợp sau:

+ Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

+ Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới thuộc các lĩnh vực nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, ứng dụng công nghệ cao thuộc danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển theo quy định của Luật Công nghệ cao, ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, đầu tư mạo hiểm cho phát triển công nghệ cao thuộc danh mục công nghệ cao được ưu tiên phát triển theo quy định của pháp luật về công nghệ cao;

+ Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới thuộc lĩnh vực bảo vệ môi trường, bao gồm: sản xuất thiết bị xử lý ô nhiễm môi trường, thiết bị quan trắc và phân tích môi trường; xử lý ô nhiễm và bảo vệ môi trường; thu gom, xử lý nước thải, khí thải, chất thải rắn; tái chế, tái sử dụng chất thải;

+ Doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy định của Luật công nghệ cao.

c) Đối với dự án cần đặc biệt thu hút đầu tư có quy mô lớn và công nghệ cao thì thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi có thể kéo dài thêm, nhưng thời gian kéo dài thêm không quá 15 (mười lăm) năm áp dụng khoản 8, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về Thuế ngày 26/11/2014.

d) Doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam được trích thu nhập tính thuế hàng năm để lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp. Việc quản lý Quỹ phát triển khoa học công nghệ của doanh nghiệp thực hiện theo Thông tư số 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC ngày 28/6/2016 của Liên Bộ: Khoa học Công nghệ - Tài chính về hướng dẫn nội dung và quản lý Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.

e) Ngoài ra, Nhà đầu tư được hưởng đầy đủ các ưu đãi khác về thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định hiện hành của pháp luật.

2. Ưu đãi về thuế giá trị gia tăng:

Nhà đầu tư được hưởng đầy đủ các ưu đãi về thuế giá trị gia tăng theo quy định hiện hành của pháp luật.

3. Ưu đãi về thuế xuất nhập khẩu:

a) Miễn thuế nhập khẩu nguyên liệu, vật tư, linh kiện trong nước chưa sản xuất được nhập khẩu để sản xuất của dự án đầu tư áp dụng theo khoản 1, khoản 3 Điều 15 Nghị định 134/2016/NĐ-CP ngày 01/09/2016 của Chính phủ.

b) Miễn thuế đối với giống cây trồng, giống vật nuôi, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật áp dụng theo khoản 1, Điều 18, Nghị định 134/2016/NĐ-CP ngày 01/09/2016 của Chính phủ.

c) Miễn thuế hàng hóa nhập khẩu phục vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ áp dụng theo khoản 1, Điều 19 Nghị định 134/2016/NĐ-CP ngày 01/09/2016 của Chính phủ.

4. Ngoài ra, doanh nghiệp, Nhà đầu tư còn được hưởng đầy đủ các chính sách ưu đãi khác về thuế theo các quy định hiện hành.

Điều 7. Phí sử dụng hạ tầng và phí xử lý nước thải

Phí sử dụng hạ tầng và phí xử lý nước thải được thực hiện theo đúng quy định hiện hành của UBND tỉnh trong từng thời kỳ cho các Nhà đầu tư sau khi đã đầu tư xong cơ sở hạ tầng.

Điều 8. Chính sách riêng đối với Nhà đầu tư đăng ký trước và thực hiện dự án đúng khối lượng và thời gian cam kết

1. Ưu tiên chọn khu đất thuận lợi, phù hợp với Quy hoạch chi tiết của Khu cho những Nhà đầu tư đăng ký trước và thực hiện dự án đúng khối lượng và thời gian cam kết khi thực hiện đầu tư vào Khu NNUĐCNC Phú Yên.

2. Ngoài các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư được nêu trong Quy định này, nếu xét thấy cấp thiết, UBND tỉnh sẽ xem xét từng dự án đầu tư cụ thể, để có những biện pháp ưu đãi, hỗ trợ bổ sung nhằm tạo điều kiện cho các Nhà đầu tư triển khai thực hiện dự án thuận lợi, như: Bồi thường giải phóng mặt bằng, đào tạo lao động.

Điều 9. Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực, phát triển thị trường và ứng dụng khoa học công nghệ

1. Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực, phát triển thị trường và ứng dụng công nghệ cao đối với tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư xây dựng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy định tại Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ, Quyết định số 2457/QĐ-TTg ngày 31/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 1895/QĐ-TTg ngày 17/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản quy định hiện hành.

2. Ban Quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên hỗ trợ Nhà đầu tư trong việc tìm kiếm, gỡ gỡ các cơ sở đào tạo trong nước để tuyển dụng nguồn nhân lực chất lượng cao khi có yêu cầu.

Điều 10. Hỗ trợ áp dụng khoa học công nghệ

1. Hỗ trợ tối đa đến 50% tổng kinh phí đầu tư mới để thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm trong lĩnh vực nông nghiệp (không tính giá trị còn lại hoặc chi phí khấu hao trang thiết bị, nhà xưởng đã có vào tổng mức kinh phí đầu tư thực hiện dự án) theo Thông tư liên tịch số 22/2011/TTLT-BTC-BKHCN ngày 21 tháng 02 năm 2011 của Liên Bộ: Tài chính - Khoa học và Công nghệ.

2. Hỗ trợ tối đa đến 100% kinh phí cho các hoạt động nghiên cứu, làm chủ, phát triển công nghệ trong Chương trình phát triển công nghệ cao đến năm 2020 theo Điều 7 Thông tư liên tịch số 219/2012/TTLT-BTC-BKHCN ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Liên Bộ: Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Nhà đầu tư có dự án đầu tư vào Khu NNUĐCNC Phú Yên có nhu cầu chuyển giao công nghệ để đổi mới công nghệ, đổi mới sản phẩm, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp được xem xét hỗ trợ kinh phí từ Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Điều 11. Hỗ trợ xây dựng và quảng bá

Hỗ trợ xây dựng, quảng bá thương hiệu sản phẩm của Khu NNƯDCNC Phú Yên.

1. Nhà đầu tư có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư được ngân sách Nhà nước hỗ trợ 50% chi phí quảng cáo doanh nghiệp và sản phẩm trên các phương tiện thông tin đại chúng; 50% kinh phí tham gia triển lãm hội chợ trong nước; được giảm 50% phí tiếp cận thông tin thị trường và phí dịch vụ từ cơ quan xúc tiến thương mại của Nhà nước áp dụng theo điểm b, khoản 1, Điều 9 Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ.

2. Các khoản hỗ trợ nêu tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo dự án đầu tư. Tổng các khoản hỗ trợ cho một dự án tối đa không quá 10% tổng mức đầu tư dự án và không quá 01 tỷ đồng. Trường hợp doanh nghiệp không sử dụng hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách Nhà nước, các hỗ trợ này được tính vào chi phí sản xuất của doanh nghiệp khi quyết toán với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền áp dụng theo khoản 2, Điều 9 Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ.

Điều 12. Hỗ trợ trồng cây dược liệu

Nhà đầu tư được hỗ trợ theo Điều 5, Điều 6, Điều 7 Nghị định 65/2017/NĐ-CP ngày 19/5/2017 của Chính phủ quy định chính sách đặc thù về giống, vốn và công nghệ trong phát triển nuôi trồng, khai thác dược liệu.

Điều 13. Xuất nhập cảnh và cư trú

1. Người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài làm việc cho các dự án đầu tư tại Khu NNƯDCNC Phú Yên và các thành viên của gia đình (bố, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ, con nuôi dưới 18 tuổi) được xem xét cấp thị thực xuất cảnh, nhập cảnh có giá trị sử dụng nhiều lần với thời hạn phù hợp với thời gian làm việc, hoạt động tại Khu NNƯDCNC Phú Yên theo quy định hiện hành của pháp luật.

2. Người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài làm việc cho các dự án đầu tư tại Khu NNƯDCNC Phú Yên được hỗ trợ về xuất nhập cảnh và cư trú theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Ban Quản lý Khu NNƯDCNC phối hợp với Công an tỉnh, Sở Ngoại vụ trong quy định xuất nhập cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài làm việc cho các dự án đầu tư tại Khu NNƯDCNC Phú Yên.

Điều 14. Hỗ trợ vay vốn

Nhà đầu tư có các dự án đầu tư vào Khu NNƯDCNC Phú Yên thuộc đối tượng vay vốn, được UBND tỉnh xem xét cho vay ưu đãi theo chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn của Chính phủ đang hiện hành; được tài trợ vốn vay tại Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ với lãi suất ưu đãi để triển khai thực hiện dự án; được Ban Quản lý Khu NNƯDCNC Phú Yên hỗ trợ tiếp cận Ngân hàng trên địa bàn tỉnh và các tổ chức tín dụng khác để tìm kiếm nguồn vốn vay nhằm phát triển dự án.

Điều 15. Các khoản hỗ trợ khác

Ngoài các khoản hỗ trợ trên, Nhà đầu tư được hưởng các khoản hỗ trợ khác theo quy định hiện hành của Nhà nước. Trong cùng một thời điểm, nếu Nhà đầu tư được hưởng nhiều mức ưu đãi khác nhau thì Nhà đầu tư được lựa chọn một mức ưu đãi có lợi nhất.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm của các cơ quan chức năng

1. Ban Quản lý Khu NNƯDCNC Phú Yên chịu trách nhiệm quản lý nhà nước đối với các hoạt động đầu tư vào Khu NNƯDCNC Phú Yên, hướng dẫn Nhà đầu tư tìm hiểu và thực hiện dự án đầu tư vào Khu NNƯDCNC Phú Yên, có nhiệm vụ hỗ trợ cho các Nhà đầu tư về thành lập doanh nghiệp; giấy chứng nhận đầu tư; thủ tục xuất nhập khẩu; thủ tục giao đất, cho thuê đất; giấy phép xây dựng; visa nhập cảnh nhiều lần (phối hợp với Công an tỉnh và Sở Ngoại vụ) và một số hỗ trợ khác về thủ tục hành chính liên quan trực tiếp đến hoạt động của Nhà đầu tư trong Khu NNƯDCNC Phú Yên.

2. Định kỳ hàng năm, Ban Quản lý Khu NNƯDCNC Phú Yên báo cáo cho UBND tỉnh về tình hình thực hiện của Khu NNƯDCNC Phú Yên.

3. Các sở, ban, ngành và các đơn vị, địa phương có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ để phối hợp với Ban Quản lý Khu NNƯDCNC Phú Yên thực hiện chức năng quản lý nhà nước và các lĩnh vực có liên quan đối với Khu NNƯDCNC Phú Yên.

Điều 17. Trách nhiệm của Nhà đầu tư

1. Chịu trách nhiệm tổ chức triển khai dự án đúng tiến độ đã cam kết. Sau 12 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư, nếu dự án không triển khai theo đúng tiến độ đã cam kết thực hiện mà không có lý do chính đáng sẽ bị thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Nhà đầu tư phải sử dụng đúng mục đích đã được ghi trong hợp đồng thuê đất, các nghĩa vụ khác của người sử dụng đất theo quy định.

3. Nhà đầu tư thuộc diện được hưởng các chính sách hỗ trợ theo Quy định này, chịu trách nhiệm đảm bảo đúng, đầy đủ các hồ sơ, chứng từ thanh quyết toán theo quy định.

4. Các dự án đầu tư vào Khu NNƯDCNC Phú Yên đảm bảo thực hiện tốt các quy định pháp luật trên lĩnh vực kinh doanh và phối hợp lực lượng chức năng trong triển khai thực hiện hoạt động đảm bảo an ninh trật tự, xây dựng môi trường ổn định.

5. Nhà đầu tư có trách nhiệm báo cáo tiến độ đầu tư của dự án theo quy định.

Điều 18. Trách nhiệm thi hành

1. Giao Ban Quản lý Khu NNƯDCNC Phú Yên chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc các sở, ban, ngành và các cơ quan có liên quan phản ánh bằng văn bản gửi về Ban Quản lý Khu NNƯDCNC Phú Yên để tổng hợp, tham mưu cho UBND tỉnh xem xét và sửa đổi./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Hữu Thế

PHỤ LỤC I
DANH MỤC CÔNG NGHỆ CAO ỨNG DỤNG TRONG NÔNG NGHIỆP.
(Ban hành kèm theo Quyết định số 62/2017/QĐ-UBND
ngày 08 tháng 12 năm 2017 của UBND tỉnh Phú Yên)

1. Công nghệ sinh học trong nông nghiệp:

a) Công nghệ lai tạo giống cây trồng, vật nuôi, giống thủy sản có ứng dụng các kỹ thuật sinh học phân tử để tạo ra các giống cây, con mới có các đặc tính ưu việt (năng suất cao, chất lượng tốt, có khả năng kháng bệnh và thích ứng với biến đổi khí hậu);

b) Công nghệ sinh học trong sản xuất các chế phẩm sinh học phục vụ nông nghiệp và môi trường: Phân bón hữu cơ, phân bón vi sinh, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc điều hòa sinh trưởng, chế phẩm xử lý môi trường;

c) Công nghệ sinh học trong giám định, chẩn đoán bệnh hại cây trồng, vật nuôi; công nghệ sản xuất và ứng dụng các bộ KIT chẩn đoán nhanh bệnh hại cây trồng và vật nuôi; thuốc thử, que thử, đoạn mồi, kháng thể;

d) Công nghệ nhân giống bằng nuôi cấy mô tế bào, đột biến phóng xạ;

e) Công nghệ tế bào động vật trong đông lạnh tinh, phôi và cấy chuyển hợp tử, phân biệt giới tính, thụ tinh ống nghiệm sản xuất giống vật nuôi;

g) Công nghệ vi sinh, enzym và protein ứng dụng sản xuất quy mô công nghiệp các chế phẩm sinh học dùng trong dinh dưỡng, bảo vệ cây trồng, vật nuôi;

h) Công nghệ sinh học, công nghệ viễn thám trong quản lý và phòng trừ dịch sâu, bệnh hại cây trồng nông lâm nghiệp;

i) Công nghệ sản xuất vắc - xin thú y để phòng bệnh cho vật nuôi;

k) Công nghệ sinh học phân tử và miễn dịch học, vi sinh vật học trong phòng, trị một số loại dịch bệnh nguy hiểm đối với thủy sản.

2. Kỹ thuật canh tác, nuôi trồng, bảo quản:

a) Ứng dụng kỹ thuật canh tác không dùng đất: Thủy canh, khí canh, trồng cây trên giá thể, màng dinh dưỡng;

b) Ứng dụng công nghệ tưới phun, tưới nhỏ giọt có hệ thống điều khiển tự động, bán tự động;

c) Ứng dụng công nghệ nhà kính, nhà lưới, nhà màng có hệ thống điều khiển tự động hoặc bán tự động;

d) Ứng dụng công nghệ chiếu xạ, công nghệ xử lý hơi nước nóng, công nghệ xử lý nước nóng, công nghệ sấy lạnh, sấy nhanh trong bảo quản nông sản;

e) Ứng dụng công nghệ mới trong bảo quản và chế biến nông sản: Công nghệ bao gói khí quyển kiểm soát; công nghệ bảo quản lạnh nhanh kết hợp với chất hấp thụ etylen để bảo quản rau, hoa, quả tươi; công nghệ tạo màng trong bảo quản rau, quả, thịt, trứng; công nghệ lên men, công nghệ chế biến sâu, công nghệ sinh và vi sinh sản xuất chế phẩm sinh học và các chất màu, chất phụ gia thiên nhiên trong bảo quản và chế biến nông sản;

g) Ứng dụng công nghệ thâm canh và quản lý cây trồng tổng hợp (ICM); công nghệ sản xuất cây trồng, vật nuôi, thủy sản an toàn theo VietGAP;

h) Ứng dụng công nghệ nuôi thâm canh, nuôi siêu thâm canh thủy sản;

i) Ứng dụng công nghệ xử lý môi trường trong nuôi trồng thủy sản.

3. Công nghệ tự động hóa:

a) Công nghệ cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất, thu hoạch, chế biến và bảo quản sau thu hoạch nông sản;

b) Công nghệ tự động hóa trong tưới tiêu, kết hợp dinh dưỡng trong canh tác cây trồng quy mô hàng hóa;

c) Công nghệ tự động hóa, bán tự động trong quá trình chăn nuôi quy mô công nghiệp, thâm canh nuôi trồng thủy sản, trồng trọt.

4. Công nghệ sản xuất vật tư nông nghiệp:

a) Công nghệ nano trong sản xuất các chế phẩm nano như phân bón, thuốc BVTV, chế phẩm dinh dưỡng cho cây trồng vật nuôi;

b) Công nghệ sản xuất giá thể, vật tư nông nghiệp, chất bảo quản, màng bao quả, màng phủ nông nghiệp, vật liệu phụ trợ cho hệ thống nhà màng, hệ thống nhà kính, hệ thống tưới;

c) Công nghệ biến tính gỗ, công nghệ sấy sinh thái, công nghệ ngâm, tẩm để bảo quản gỗ; công nghệ sinh học sản xuất chế phẩm bảo quản, chế phẩm chống mối, mọt thể hệ mới cho sản phẩm gỗ; công nghệ sản xuất các màng phủ thân thiện với môi trường cho sản phẩm gỗ;

d) Công nghệ thông tin, công nghệ tự động hóa nhằm tiết kiệm nguyên liệu, thời gian và nâng cao hiệu quả sử dụng gỗ;

e) Công nghệ dự báo, tích trữ và khai thác nguồn nước; công nghệ thu trữ nước để cung cấp nước ổn định, hiệu quả phục vụ đa mục tiêu;

g) Công nghệ thi công công trình thủy lợi; công nghệ lọc và cấp nước ngọt cho các vùng đất nhiễm mặn, ven biển, hải đảo;

h) Công nghệ vật liệu mới, giải pháp kết cấu mới, thiết bị mới phục vụ thi công công trình thủy lợi;

k) Công nghệ xử lý nước thải và vệ sinh môi trường nông thôn;

l) Công nghệ viễn thám và hệ thống thông tin địa lý phục vụ quản lý, điều hành công trình thủy lợi, khai thác nguồn lợi hải sản, vùng nuôi trồng thủy sản, giám sát và đánh giá mùa màng./.

PHỤ LỤC II
DANH MỤC ĐỐI TƯỢNG THỰC NGHIỆM, TRÌNH DIỄN,
CHUYỂN GIAO VÀ SẢN XUẤT SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ CAO.

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 62/2017/QĐ-UBND
ngày 08 tháng 12 năm 2017 của UBND tỉnh Phú Yên)*

1. Lúa cao sản, lúa thơm chất lượng cao, tập trung vào giống và công nghệ sản xuất UDCNC về dinh dưỡng và bảo vệ cây trồng bằng biện pháp sinh học.
 2. Giống mía năng suất và chữ đường cao, tưới tiết kiệm và tự động hóa, cơ giới hóa canh tác và thu hoạch mía.
 3. Giống sắn cao sản, kỹ thuật canh tác bền vững, cơ giới hóa canh tác và thu hoạch sắn.
 4. Giống bông, tưới tiết kiệm nước và tự động hóa, cơ giới hóa canh tác và thu hoạch bông.
 5. Giống rau và công nghệ trồng rau an toàn.
 6. Giống hoa, cây cảnh và công nghệ sản xuất, bảo quản.
 7. Giống cây ăn quả và công nghệ trồng, bảo quản theo tiêu chuẩn Việt GAP, Global GAP...
 8. Giống nấm, công nghệ trồng, bảo quản, chế biến an toàn thực phẩm.
 9. Giống dược liệu, công nghệ trồng, bảo quản, chế biến an toàn.
 10. Giống gia súc, gia cầm và công nghệ nuôi an toàn sinh học, xử lý môi trường.
 11. Giống cây lâm nghiệp giá trị cao, công nghệ nhân giống và trồng rừng năng suất cao.
-

PHỤ LỤC III**DANH MỤC NGÀNH, NGHỀ ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ TRONG NÔNG NGHIỆP.**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 62/2017/QĐ-UBND
ngày 08 tháng 12 năm 2017 của UBND tỉnh Phú Yên)*

A. NGÀNH, NGHỀ ĐẶC BIỆT ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ:**I. CÔNG NGHỆ CAO, CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ:**

1. Ứng dụng công nghệ cao thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
2. Sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
3. Sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
4. Ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao; đầu tư mạo hiểm cho phát triển công nghệ cao; ứng dụng, nghiên cứu và phát triển công nghệ cao theo quy định của pháp luật về công nghệ cao; sản xuất sản phẩm công nghệ sinh học.
5. Sản xuất năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, năng lượng từ việc tiêu hủy chất thải.
6. Sản xuất vật liệu composit, các loại vật liệu xây dựng nhẹ, vật liệu quý hiếm.

II. NÔNG NGHIỆP:

1. Trồng, chăm sóc, nuôi dưỡng, bảo vệ và phát triển rừng.
2. Nuôi trồng, chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản.
3. Sản xuất, nhân và lai tạo giống cây trồng, giống vật nuôi, giống cây lâm nghiệp, giống thủy sản.

III. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, XÂY DỰNG KẾT CẤU HẠ TẦNG:

1. Thu gom, xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải tập trung.
2. Xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu chức năng trong khu kinh tế.
3. Đầu tư phát triển nhà máy nước, nhà máy điện, hệ thống cấp thoát nước.

IV. Và các ngành, nghề khác ứng dụng trong nông nghiệp do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

B. NGÀNH, NGHỀ ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ TRONG NÔNG NGHIỆP:

1. Nuôi, trồng, thu hoạch và chế biến dược liệu; bảo hộ, bảo tồn nguồn gen và những loài dược liệu quý hiếm, đặc hữu.
2. Sản xuất, tinh chế thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản.
3. Dịch vụ khoa học, kỹ thuật về gieo trồng, chăn nuôi, thủy sản, bảo vệ cây trồng, vật nuôi.
4. Xây dựng, phát triển vùng nguyên liệu tập trung phục vụ công nghiệp chế biến.
5. Và các ngành, nghề khác ứng dụng trong nông nghiệp do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

PHỤ LỤC IV
DANH MỤC LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO
TẠI KHU NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO PHÚ YÊN
QUY HOẠCH ĐẾN NĂM 2020, ĐỊNH HƯỚNG 2030.

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 62/2017/QĐ-UBND
ngày tháng năm 2017 của UBND tỉnh Phú Yên)*

1. Trồng trọt: Rau, hoa chất lượng cao, cây ăn quả ôn đới, ngô, cà phê, hồ tiêu, chè, cây dược liệu, cây lâm nghiệp);
2. Chăn nuôi (bò thịt, lợn thịt, gia cầm, siêu thịt, siêu trứng);
3. Thủy sản: Nước ngọt, nước mặn;
4. Bảo quản chế biến sản phẩm nông nghiệp.